

Số: 119/QĐ-UBND

Phú Xuyên, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của UBND xã Phú Xuyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ XUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Phú Xuyên.

(Có biểu số 116/CKTC-NSNN, số 117/CKTC-NSNN, số 118/CKTC-NSNN, số 119/CKTC-NSNN, số 120/CKTC-NSNN và Thuyết minh quyết toán ngân sách kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

THUYẾT MINH

Quyết toán thu chi ngân sách xã Phú Xuyên năm 2022

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022;

Trên cơ sở quyết toán ngân sách xã Phú Xuyên năm 2022 UBND xã Phú Xuyên thuyết minh quyết toán ngân sách xã Phú Xuyên năm 2022 như sau:

1. Về thu ngân sách:

- Tổng thu ngân sách xã năm 2022:	9.421.643.664 đ , trong đó:
+ Thu kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang:	570.017.957đ.
+ Thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022:	463.057.817 đ
+ Thu cân đối trên địa bàn:	277.697.408 đ
+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	8.110.870.482 đ

2. Về chi ngân sách

- Tổng chi ngân sách năm 2022:	7.459.349.918 đồng , trong đó:
+ Chi thường xuyên:	5.911.669.918 đồng
+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	1.547.680.000 đồng

3. Nguồn kinh phí chuyển nguồn của 2022 sang 2023: 874.455.286,

trong đó:

- Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2019 sang năm 2020 không sử dụng hết sang năm 2021 theo KL của Kiểm toán: 147.999.000 đ
- Nguồn cải cách tiền lương năm 2020, 2021 chưa sử dụng chuyển năm sau: 106.969.417 đ.
- Chuyển nguồn 10% tiết kiệm chi năm 2021: 79.100.000 đ.
- Chuyển nguồn 70% tăng thu ngân sách năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022: 30.220.400 đ.
- Chuyển 10% tiết kiệm chi năm 2022: 73.716.000 đ.
- Chuyển nguồn 70% nguồn tăng thu năm 2022: 12.387.900 đ.
- Chuyển 70% trích từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang: 399.012.569đ.
- Chi trả chế độ tăng thêm theo NĐ 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021: 25.050.000đ.

4. Kết dư ngân sách năm 2022 sang năm 2023: 1.087.838.460 đồng**5. Thu chi các quỹ công chuyên dùng, hoạt động tài chính khác năm 2022.**

- Triển khai vận động thu các loại quỹ công chuyên dùng năm 2022: Thu quỹ vì người nghèo, quỹ “Tuần cao điểm tết vì người nghèo”, quỹ tình nghĩa, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học, quỹ phòng chống thiên tai. Việc thu các loại quỹ sử dụng thu bằng biên lai thu tiền, quản lý qua ngân sách, chi tiêu đúng mục đích chế độ quy định.

- Kết quả thu chi các loại quỹ năm 2022:

- Tồn quỹ năm 2021 chuyển sang: 231.935.400 đ
- Thu trong năm 2022: 371.286.400 đ
- Chi trong năm 2022: 266.580.032 đ
- Tồn quỹ đến 31/12/ 2022: 104.706.368 đ

Cụ thể

Số T T	Nội dung	Tồn năm trước chuyển sang	Thu trong năm 2022	Tổng thu cả tồn năm trước	Chi trong năm 2022	Số Tồn
I	Quỹ công chuyên dùng	154.799.000	139.351.000	294.150.000	189.460.632	104.689.368
1	Quỹ vì người nghèo	48.017.000	41.855.000	89.872.000	87.500.000	2.372.000
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	23.019.000	32.785.000	55.804.000	14.400.000	41.404.000
3	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	38.830.000	33.375.000	72.205.000	35.066.232	37.138.768
4	Quỹ nhân đạo	21.391.000	15.785.000	37.176.000	31.300.000	5.876.000
5	Quỹ khuyến học	22.692.000	15.551.000	38.243.000	20.344.400	17.898.600
6	Quỹ người cao tuổi	850.000	0	850.000	850.000	0
7	Ứng hộ ĐHTDĐT xã Phú Xuyên lần thứ V - năm 2021	17.000		17.000		17.000
8	Quỹ phòng chống Covid - 19	77.119.400		77.119.400	77.119.400	0
II	Quỹ tài chính khác	77.136.400		77.136.400	77.119.400	17.000
1	Quỹ phòng chống Covid - 19	77.119.400		77.119.400	77.119.400	0
2	Ứng hộ ĐHTDĐT xã Phú Xuyên lần thứ V - năm 2021	17.000		17.000		17.000
	Tổng cộng	231.935.400	139.351.000	371.286.400	266.580.032	104.706.368

5. Đánh giá chung.

Nhìn chung công tác thu chi ngân sách năm 2022 về cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, các biện pháp thu ngân sách được triển khai đồng bộ. Nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đạt và vượt kế hoạch, thực hiện chi theo đúng chế độ, quy định của pháp luật.

Chi đầu tư xây dựng về cơ bản thực hiện đúng tiến độ, quy trình đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư XDCB.

Trên đây là thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã Phú Xuyên năm 2022./.

Nơi nhận :

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	9.421.641	TỔNG SỐ CHI	8.333.804
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	277.697	I. Chi đầu tư phát triển	1.547.680
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		II. Chi thường xuyên	5.911.669
III. Thu bổ sung	8.110.870	III. Chi quản lý qua ngân sách	
- Bổ sung cân đối	5.547.192	IV. Chi dự phòng	
- Bổ sung có mục tiêu	2.563.678		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	570.017	V. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ		VI. Chi chuyển nguồn sang năm sau (Nếu có)	874.455
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	463.057		
Kết dư ngân sách	1.087.838		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị:
1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.487.192	5.451.192	9.421.643	9.430.441	171.70	173.00
I	Các khoản thu 100%	100.000	100.000	104.283	104.283	104.28	104.28
	Phí, lệ phí	70.000	70.000	42.283	42.283	60.40	60.40
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				0		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				0		
	Thu khác	30.000	30.000	62.000	62.000	206.67	206.67
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	160.000	124.000	173.416	182.214	108.39	146.95
1	Các khoản thu phân chia	160.000	124.000	173.416	182.214	108.39	146.95
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000	10.000	8.800	8.800	88.00	88.00
	- Thuế giá trị gia tăng hộ cố định	74.000	74.000	68.170	68.170	92.12	92.12
	- Thuế thu nhập từ chuyên nhượng BĐS	20.000	0	-21.048	0	-105.24	
	- Thuế thu nhập từ sản xuất kinh doanh	16.000	0	12.250	0	76.56	
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	40.000	40.000	105.244	105.244	263.11	263.11
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		0	463.057	463.057		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			570.017	570.017		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.227.192	5.227.192	8.110.870	8.110.870	155.17	155.17
	- Thu bổ sung cân đối	5.227.192	5.227.192	5.547.192	5.547.192	106.12	106.12
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	2.563.678	2.563.678		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			So sánh QT/DT		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.858.453	1.547.680	6.310.773	7.459.379	1.547.680	5.911.699	94.92		93.68
	Trong đó									
1	Chi đầu tư	1.547.680	1.547.680		0					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0					
3	Chi y tế	61.239		61.239	61.239		61.239	100.00		100.00
4	Chi văn hóa, thông tin	23.795		23.795	23.795		23.795	100.00		100.00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0		0			
6	Chi thể dục thể thao	26.300		26.300	26.288		26.288	99.95		99.95
7	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0		0			
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.500		31.500	31.500	1.547.680	31.500	100.00		100.00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.908.349		4.908.349	4.683.258	0	4.683.258	95.41		95.41
10	Chi cho công tác xã hội	227.654		227.654	202.364		202.364	88.89		88.89
11	Dự phòng	88.000		88.000	88.000		8.800	100.00		10.00
12	Tiết kiệm chi	69.481		69.481	0			0.00		0.00
13	Chi khác	0		0	0		0			
14	Chi cải cách tiền lương năm 2022									
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	874.455		874.455	874.455		874.455			